

Hà Nội, ngày **10** tháng 6 năm 2014

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM  
Năm 2013



**I. Thông tin chung**

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Tổng công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam;**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0103016007;
- Vốn điều lệ: 438.000.000.000 đ;
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 438.000.000.000 đ;
- Địa chỉ: Số 15 Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố

Hà Nội;

- Số điện thoại: (04) 38256404;
- Số fax: (04) 38264786;
- Website: [www.veic.com.vn](http://www.veic.com.vn); [www.viettronics.vn](http://www.viettronics.vn);
- Mã cổ phiếu (nếu có):

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển: (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay).

Tổng Công ty là một trong những nhà sản xuất và cung cấp lớn nhất Việt Nam trong lĩnh vực điện tử dân dụng, điện tử công nghiệp, điện tử y tế, viễn thông, công nghệ thông tin, chuyên cung cấp thiết bị, giải pháp hệ thống, phần mềm... cho các dự án công nghệ thông tin trong phạm vi toàn quốc và một số nước trên thế giới.

Tiền thân của Tổng công ty là Phòng Nghiên cứu Điện tử thuộc Bộ Cơ khí và Luyện kim (nay là Bộ Công Thương), được thành lập tháng 10/1970, với gần 200 kỹ sư, cán bộ kỹ thuật ngành điện tử tốt nghiệp các trường đại học trong nước và nước ngoài.

Từ 1971-1975 Phòng Nghiên cứu Điện tử đã thực hiện nhiều công trình nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực chế tạo vật liệu, linh kiện (vật liệu từ, gốm áp điện, điện trở màng than, điốt điểm...) và thiết bị điện tử chuyên dụng (máy dò khuyết tật kim loại, máy siêu âm, máy hiện sóng...).

Sau tháng 5/1975, Phòng Nghiên cứu Điện tử đã chi viện số lượng lớn cán bộ cho các cơ sở công nghiệp điện tử vừa được tiếp quản ở phía Nam. Số cán bộ còn lại tiếp tục xây dựng và phát triển Phòng Nghiên cứu Điện tử trở thành một cơ sở nghiên cứu ứng dụng của Bộ Cơ khí và Luyện kim.

Năm 1980 trên cơ sở các xí nghiệp Điện tử của Bộ Cơ khí Luyện kim trong cả nước, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã quyết định thành lập Liên hiệp các xí nghiệp điện tử trực thuộc Bộ Cơ khí Luyện kim. Liên hiệp có trụ sở tại Tp. Hồ Chí Minh.

Từ 1980-1984, Liên hiệp các xí nghiệp Điện tử đã củng cố tổ chức, ổn định sản xuất và đặt nền móng cho sự phát triển của ngành công nghiệp điện tử Việt Nam. Sản phẩm nghe nhìn thương hiệu Viettronics của các xí nghiệp thành viên đã trở nên quen thuộc với người tiêu dùng trong nước và được đối tác nước ngoài biết đến.

Liên hiệp đã đầu tư các dây chuyền sản xuất điện trở, tụ hoá, mạch in của Pháp, Italia, Tiệp Khắc (cũ). Ngoài ra còn sản xuất được tụ xoay, chuyển mạch, chiết áp cung cấp cho các xí nghiệp trong nước và xuất khẩu sang các nước XHCN cũ.

Năm 1984, để tiện quản lý và tập trung lực lượng đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành điện tử và kỹ thuật tin học, Nhà nước đã quyết định thành lập Tổng cục Điện tử và Kỹ thuật Tin học trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) bao gồm Liên hiệp các xí nghiệp điện tử Bộ Cơ khí Luyện kim, Công ty IBM và Cục quản lý máy tính thuộc Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước. Sau 4 năm hoạt động, do nhiều nguyên nhân năm 1988 Tổng cục Điện tử và Kỹ thuật Tin học giải thể.

Năm 1988 trên cơ sở các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh và dịch vụ của Tổng cục Điện tử và Kỹ thuật Tin học, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) đã quyết định thành lập Liên hiệp Điện tử - Tin học Việt Nam trực thuộc Bộ Cơ khí Luyện kim (sau đó là Bộ Công nghiệp Nặng). Từ năm 1988 đến năm 1994 Liên hiệp Điện tử - Tin học Việt Nam đã hoạt động khởi sắc và có những bước phát triển mạnh mẽ. Các doanh nghiệp thành viên đẩy mạnh việc lắp ráp TV, Radio cassette từ bộ linh kiện nhập ngoại chiếm hơn một nửa số lượng TV, Radio cassette trong nước và chiếm một thị phần đáng kể các sản phẩm và dịch vụ tin học.

Ngày 27/10/1995, Tổng công ty Điện tử và Tin học Việt Nam đã được thành lập theo mô hình Tổng công ty 90 trên cơ sở Liên hiệp Điện tử - Tin học Việt Nam trực thuộc Bộ Công nghiệp Nặng (nay là Bộ Công thương). là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực điện tử và tin học tại Việt Nam hoạt động trong 3 lĩnh vực chính là: điện tử dân dụng, điện tử chuyên dụng và công nghệ thông tin với 13 doanh nghiệp thành viên doanh thu hàng năm khoảng 100 triệu USD, giá công xuất khẩu đạt khoảng 30 triệu USD/năm.

Tổng công ty đã hợp tác dưới nhiều hình thức khác nhau với nhiều hãng điện tử và tin học nổi tiếng thế giới từ Hoa Kỳ, Nhật Bản và các nước Châu Á, v.v...

Tổng công ty đã thành lập 6 liên doanh với nước ngoài sản xuất, kinh doanh các ngành hàng điện tử dân dụng, điện tử y tế, phụ tùng nhựa,... Ngoài ra Tổng Công ty còn tham gia thành lập một số công ty cổ phần và một Trung tâm nghiên cứu ứng dụng tin học.

Tổng công ty Điện tử và Tin học Việt Nam có mạng lưới tiêu thụ và dịch vụ trên cả nước.

Tháng 5 năm 2004 Thủ Tướng Chính Phủ đã ký quyết định cho phép tiến hành Cổ phần hoá thí điểm 5 doanh nghiệp Nhà nước ở mức Tổng công ty trong đó có Tổng công ty Điện tử và Tin học Việt Nam. Ngay sau đó đề án Cổ phần hoá đã được gấp rút xây dựng để trình Chính phủ. Đề án này đã được Thủ tướng phê duyệt vào ngày 07.01.2005.

Ngày 21 tháng 11 năm 2006, tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam đã thực hiện thành công phiên đấu giá bán cổ phần lần đầu tiên ra bên ngoài.

Ngày 03 tháng 02 năm 2007, Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất, đồng thời là đại hội đồng cổ đông thành lập Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam đã được tổ chức thành công tại Hà Nội.

Ngày 01 tháng 03 năm 2007, Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam chính thức đi vào hoạt động với giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty cổ phần.

- Các sự kiện khác: Hiện nay, Tổng công ty đang tập trung hoạt động sản xuất kinh doanh theo các chiến lược, định hướng trung - dài hạn do ĐHCĐ, HĐQT nhiệm kỳ 2 (2012-2017) đề ra.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

#### a. Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty:

- Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị, linh kiện, chi tiết, cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng; Sản xuất thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử-tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy; Sản xuất các thiết bị phụ trợ, các loại bao bì phục vụ cho các ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty cổ phần;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác. Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;

- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan. Chi tiết: Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các công ty trong và ngoài nước);

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;

- Quảng cáo. Chi tiết: Kinh doanh quảng cáo, thông tin; Tư vấn, giám sát thi công công trình lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 110KV. Tư vấn, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV;

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Kinh doanh triển lãm;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, viễn thông, phát thanh - truyền hình, đường dây và trạm biến áp điện đến 500KV, nhà máy điện công suất lên tới 1000MW;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn, giám sát thi công công trình lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 110 KV. Tư vấn, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110 KV; Tư vấn, thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 500KV;

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ. Chi tiết: Hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ, thiết kế các linh kiện điện tử, thiết bị điện tử dân dụng, chuyên dụng;

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh các thiết bị: thiết bị điện, điện lạnh, cơ khí, kim loại, khoáng sản, các sản phẩm chế tạo từ cao su, thiết bị và hệ thống xử lý môi trường, thiết bị nâng hạ, thang máy, thiết bị cảnh báo bảo vệ, thiết bị phòng chống cháy nổ, thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ sản xuất, nghiên cứu và đào tạo; kinh doanh thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử-tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: lắp đặt các thiết bị: thiết bị điện, điện lạnh, cơ khí, kim loại, khoáng sản, các sản phẩm chế tạo từ cao su, thiết bị và hệ thống xử lý môi trường, thiết bị nâng hạ, thang máy, thiết bị cảnh báo bảo vệ, thiết bị phòng chống cháy nổ, thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ sản xuất, nghiên cứu và đào tạo.

b. Địa bàn kinh doanh:

Nội địa: Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và một số tỉnh trên cả nước

Xuất khẩu: Một số thị trường Châu Á, Châu Phi...

c. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Tổng công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam tổ chức bộ máy theo mô hình công ty mẹ - công ty con bao gồm các bộ phận:

- + Đại hội đồng cổ đông;
- + Hội đồng quản trị;
- + Ban Kiểm soát;
- + Ban điều hành;
- + Bộ máy giúp việc;
- + Các công ty con;
- + Các công ty liên kết;
- + Các công ty liên kết tự nguyện;

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

+ Hội đồng Quản trị gồm Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT;

+ Ban kiểm soát gồm có Trưởng ban kiểm soát và các thành viên ban kiểm soát;

+ Ban điều hành gồm có Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc giúp việc cho Tổng giám đốc;

+ Bộ máy giúp việc gồm các ban chức năng, các ban chuyên trách, các hội đồng tư vấn, ủy ban, tiểu ban, thư ký Tổng công ty;

- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).

Đv: Đồng

| STT | Công ty  | Địa chỉ                 | Lĩnh vực kinh doanh chính                            | Vốn thực góp           | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|--|-------------------------|--|------------------------|--------------|
| 1   | Công ty CP Viettronics Đồng Đa.                    | Hà Nội                  | Sản xuất, kinh doanh sản phẩm điện tử                | 11.236.000.000         | 51,07%       |
| 2   | Công ty CP Điện tử Thủ Đức                         | Quận 9, TP Hồ Chí Minh  | Sản xuất, kinh doanh sản phẩm điện tử                | 66.937.000.000         | 97,01%       |
| 3   | Công ty CP Điện tử Bình Hòa.                       | Q Bình Thạnh – TPHCM    | Sản xuất, kinh doanh sản phẩm điện tử                | 14.790.000.000         | 51%          |
| 4   | Công ty CP Công nghệ Thông tin GENPACIFIC.         | Quận 3 – TPHCM          | Giải pháp phần mềm, CNTT.                            | 22.950.000.000         | 51%          |
| 5   | Công ty CP Viettronimex.                           | Quận 1 – TPHCM          | Kinh doanh sản phẩm điện tử.                         | 10.868.866.920         | 46,25%       |
| 6   | Công ty CP Điện tử Truyền hình Viễn thông Nghệ An. | TP Vinh – Nghệ An.      | Điện tử, viễn thông.                                 | 1.800.000.000          | 15%          |
| 7   | Công ty CP Viettronics Tân Bình                    | Q Bình Thạnh – TPHCM    | Sản xuất, kinh doanh sản phẩm điện tử                | 126.660.600.000        | 55,54%       |
| 8   | Công ty CP Điện tử Biên Hòa.                       | Quận 1 – TPHCM          | Sản xuất, kinh doanh sản phẩm điện tử                | 30.600.000.000         | 51%          |
| 9   | Công ty CP Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hòa.             | Q Tân Phú – TPHCM       | Sản xuất, kinh doanh sản phẩm điện tử                | 1.878.775.622          | 33,77%       |
| 10  | Công ty CP Máy tính Việt Nam.                      | Quận 1 – TPHCM          | Sản xuất, kinh doanh sản phẩm điện tử, CNTT.         | 855.500.000            | 28,50%       |
| 11  | Công ty CP Điện tử Hải Phòng.                      | Q Hồng Bàng – Hải Phòng | Sản xuất, kinh doanh sản phẩm điện tử.               | 3.111.000.000          | 19,44%       |
| 12  | Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam.      | Q Ba Đình – Hà Nội      | Sản xuất, kinh doanh sản phẩm điện tử, CNTT.         | 21.420.000.000         | 35,70%       |
| 13  | Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao AMEC.            | Hà Nội                  | Y tế kỹ thuật cao                                    | 1.276.595.137          | 49,00%       |
| 14  | Trung tâm hội tụ Đa phương tiện                    | Hà Nội                  | Điện tử.   | 100.000.000            |              |
| 15  | Công ty CP Công trình Viettronics                  | Q Cầu Giấy – Hà Nội     | Cơ điện tòa nhà;                                     | 13.000.000.000         | 65%          |
| 16  | Công ty CP Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1.               | TP Hồ Chí Minh          | Vật liệu xây dựng.                                   | 5.240.000.000          | 6,55%        |
| 17  | Công ty CP Viettronics Công nghiệp.                | Q Long Biên – Hà Nội    | Thiết kế, lắp đặt các công trình điện tử công nghiệp | 27.557.000.000         | 91,86%       |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                   |                         |  | <b>360.281.295.137</b> |              |

d. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.
  - + Kinh doanh có lãi, mang lại doanh thu, lợi nhuận cao cho cổ đông Tổng công ty;
  - + Tổng công ty đẩy mạnh kinh doanh các dự án trong lĩnh vực Năng lượng & Công nghiệp, Công nghệ Thông tin & Truyền thông, Cơ điện tòa nhà và điện tử y tế;
  - + Sản xuất kinh doanh các sản phẩm của Tổng công ty có lợi thế.
  - + Thiết lập hệ thống phân phối, bán hàng, thương mại điện tử.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Không ngừng phát triển sản xuất kinh doanh, sử dụng hợp lý các nguồn lực để tối đa hoá lợi nhuận có thể có được của Tổng công ty cho các cổ đông đồng thời làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước. Tập trung phát triển sản xuất kinh doanh các ngành hàng trong lĩnh vực kinh doanh chính, hướng tới phát triển ra thị trường nước ngoài có tiềm năng, kinh doanh các ngành nghề mang lại hiệu quả kinh tế cho nhà đầu tư cũng như hiệu quả xã hội theo chủ trương của Nhà nước.
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Mang lại đời sống kinh tế ngày một phát triển cho cán bộ công nhân viên, tạo nhiều việc làm cho xã hội, tuân thủ quy định của pháp luật liên quan, đồng thời không ngừng tăng trưởng doanh thu/lợi nhuận thực hiện, tạo niềm tin và lợi ích tối đa cho các nhà đầu tư.

e. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty).

- Từ sau khi Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại Quốc tế WTO, chính sách thuế đặc biệt thuế xuất nhập khẩu có nhiều biến động, đòi hỏi doanh nghiệp Việt nói chung, Tổng công ty nói riêng có những đối sách phù hợp tình hình.

- Hiện nay nền kinh tế chưa có dấu hiệu phục hồi vững chắc, do đó hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty chịu nhiều sức ép, rủi ro tiềm tàng như: Lãi suất đang có chiều hướng giảm nhưng chưa ổn định, khó tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi, các ràng buộc chính sách thuế quan khi Việt Nam gia nhập các tổ chức quốc tế. Ngoài ra, các rủi ro về áp lực lạm phát, rủi ro do biến động tỷ giá ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.

| STT | Chỉ tiêu             | Đơn vị tính | Kế hoạch 2013 | Thực hiện 2012 | Thực hiện 2013 | Tỷ lệ so sánh (%) |            |
|-----|----------------------|-------------|---------------|----------------|----------------|-------------------|------------|
|     |                      |             |               |                |                | So TH 2012        | So KH 2013 |
| 1   | Doanh thu            | Tr.đồng     |               | 875.342        | 835.378        | 95,43%            |            |
| 2   | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng     |               | 90.058         | 43.368         | 48,16%            |            |
| 3   | Cổ tức               | Tr.đồng     |               | 26.280         |                |                   |            |
| 4   |                      |             |               |                |                |                   |            |

Phân tích nguyên nhân:

- Doanh thu năm 2013 giảm so với năm 2012 là 39.964 triệu đồng tương ứng 4,57% là do các hợp đồng từ các năm trước đến năm 2013 vào giai đoạn kết thúc doanh thu cả hợp đồng chủ yếu vào cả năm trước.

- Lợi nhuận năm 2013 giảm so với năm 2012 là 46,690 triệu đồng tương đương giảm 51,84% là do: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm, doanh thu tài chính giảm, chi phí tài chính năm 2013 tăng mạnh.

## 2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng).

| STT | Họ tên                               | Chức vụ            | Tỷ lệ sở hữu cổ phần | Các chứng khoán khác |
|-----|--------------------------------------|--------------------|----------------------|----------------------|
| 1   | <b>Lưu Hoàng Long</b>                | Tổng giám đốc      | 13,19%               |                      |
| 2   | <b>Vũ Hải Vĩnh</b>                   | P. Tổng giám đốc   |                      |                      |
| 3   | <b>Nguyễn Anh Dũng<sup>(*)</sup></b> | P. Tổng giám đốc   |                      |                      |
| 4   | <b>Vũ Song Toàn<sup>(*)</sup></b>    | P. Tổng giám đốc   |                      |                      |
| 5   | <b>Nguyễn Trung Dũng</b>             | Trưởng Ban TC - KT |                      |                      |

*Ghi chú: (\*) Các Phó Tổng giám đốc nhiệm kỳ 1, hiện chưa có quyết định bổ nhiệm/bổ nhiệm lại của nhiệm kỳ 2.*

- Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm). Theo các quy định, quy chế liên quan, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2 cùng với Ban Tổng giám đốc đã tiến hành sắp xếp, tổ chức lại bộ máy Tổng công ty phù hợp với yêu cầu hoạt động tổ chức sản xuất kinh doanh theo mô hình công ty mẹ - công ty con, xem xét bổ nhiệm/ bổ nhiệm lại các vị trí lãnh đạo, phòng ban chức năng. Sắp xếp bộ máy người đại diện tại các đơn vị thành viên để phục vụ công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh theo định hướng tổng công ty đề ra.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động. Năm 2013, toàn Tổng công ty có 1.462 lao động với thu nhập bình quân đầu người khoảng 6,02 triệu đồng/ người/năm; Đạt 104,6% kế hoạch đề ra.

## 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết). Tổng công ty tiếp tục rà soát các dự án khai thác, sử dụng đất và cơ sở vật chất tại các công ty trong hệ thống nhằm thực hiện tái cơ cấu vốn, thoái vốn ở 1 số đơn vị không cần nắm giữ hoặc không ưu tiên đầu tư để tập trung nguồn lực đầu tư cho 1 số đơn vị có cơ cấu đầu tư phù hợp với định hướng phát triển. Trong năm 2013, Tổng công ty thực hiện 1 số dự án đầu tư tuy nhiên đều ở bước xin chủ trương, chuẩn bị đầu tư. Các dự án đầu tư đều được triển khai thận trọng đảm bảo đúng quy định và hiệu quả. Một số hợp đồng kinh tế Tổng công ty đang thực hiện trong năm đang ở giai đoạn hoàn công, thanh quyết toán. Tuy nhiên, do 1 số khó khăn nhất định đặc biệt trong khâu thu xếp vốn của chủ đầu tư dẫn đến việc thanh quyết toán bị kéo dài ảnh hưởng đến doanh thu lợi nhuận của Tổng công ty.

b. Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

- Trong các công ty con, công ty liên kết của tổng công ty có 1 số doanh nghiệp có hoạt động chính vẫn là sản xuất sản phẩm điện tử, điện gia dụng như Điện tử Tân Bình, Điện tử Biên Hòa, Điện tử Bình Hòa, Điện tử Thủ Đức, Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hòa... Với các dòng sản phẩm chủ yếu gồm: Tivi, máy giặt, nồi cơm điện, quạt điện, các sản phẩm

linh kiện – phụ kiện điện tử, Anten tiêu thụ thị trường trong nước; Các sản phẩm điện tử, linh kiện gia công xuất khẩu cho các đối tác nước ngoài (Malaysia, Hong Kong, Thái Lan, Mỹ, Đức, Nhật). Một số công ty có nguồn thu chiếm tỷ trọng lớn từ hoạt động dịch vụ thương mại, khai thác mặt bằng và đầu tư tài chính. Các công ty trong hệ thống Tổng công ty đều đang gặp nhiều khó khăn chung như giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, chi phí cố định, tiền thuê đất, nhà xưởng hàng năm cao, sản phẩm cạnh tranh gay gắt với hàng ngoại nhập ngoài ra chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá thuế suất áp theo quy định, lạm phát tăng cao ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngành điện tử.

- Để đảm bảo chỉ tiêu doanh thu lợi nhuận theo kế hoạch, các doanh nghiệp đều phải tập trung nghiên cứu cải tiến công nghệ, đi vào sản xuất lĩnh vực hàng hóa có hàm lượng chất xám cao, tiết kiệm chi phí quản lý gián tiếp, tái cơ cấu vốn đầu tư, tận dụng tối đa ưu thế mặt bằng nhà xưởng kho bãi sẵn có để mời gọi hợp tác đầu tư.

#### 4. Tình hình tài chính.

##### a. Tình hình tài chính:

| Chỉ tiêu  | Năm 2012          | Năm 2013          | % tăng giảm |
|---|-------------------|-------------------|-------------|
| <b>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</b> |                   |                   |             |
| Tổng giá trị tài sản  | 1.625.290.792.587 | 1.458.936.735.765 | -10,24%     |
| Doanh thu thuần   | 768.877.999.679   | 718.590.705.049   | -6,54%      |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   | 79.203.716.198    | -1.411.997.516    | -101,78%    |
| Lợi nhuận khác  | 5.188.157.168     | 40.595.341.983    | 682,48%     |
| Lợi nhuận trước thuế  | 90.058.422.196    | 43.368.188.255    | -51,84%     |
| Lợi nhuận sau thuế  | 77.078.062.465    | 30.024.968.620    | -61,05%     |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức  |                   |                   |             |

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

##### b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Các chỉ tiêu                       | Năm 2012 | Năm 2013 | Ghi chú |
|------------------------------------|----------|----------|---------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán |          |          |         |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn:       |          |          |         |
| TSLĐ/Nợ ngắn hạn                   | 2,01     | 2,24     |         |
| + Hệ số thanh toán nhanh           |          |          |         |
| <u>TSLĐ- Hàng tồn kho</u>          |          |          |         |
| Nợ ngắn hạn                        | 1,51     | 1,70     |         |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn          |          |          |         |
| + Hệ số nợ/ Tổng tài sản           | 0,38     | 0,34     |         |
| + Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu         | 0,86     | 0,71     |         |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động  |          |          |         |
| + Vòng quay hàng tồn kho:          |          |          |         |

|   |      |        |  |
|---|------|--------|--|
| <u>Giá vốn hàng bán</u>                                       |      |        |  |
| Hàng tồn kho bình quân  | 2,06 | 2,18   |  |
| + Doanh thu thuần/ tổng tài sản                               | 0,47 | 0,49   |  |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời                              |      |        |  |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/<br>Doanh thu thuần                | 0,10 | 0,04   |  |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn<br>chủ sở hữu                 | 0,11 | 0,04   |  |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/<br>Tổng tài sản                   | 0,05 | 0,02   |  |
| + Hệ số lợi nhuận từ hoạt động<br>kinh doanh/ Doanh thu thuần | 0,10 | -0,002 |  |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần: (Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài). Tổng số cổ phần đang lưu hành 43.800.000 CP là cổ phần phổ thông được phép chuyển nhượng tự do mệnh giá 10.000 đ/1CP

b. Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông Nhà nước chiếm 87,97 % tương đương với 38.529.750 CP
- Cổ đông khác chiếm 12,03% tương đương với 5.270.250 CP

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e. Các chứng khoán khác: Không.

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc** (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có). Tổng doanh thu thực hiện năm 2013 là 835.378 triệu đồng.

- Phân tích: Cùng những khó khăn chung của ngành điện tử với mức tăng trưởng chậm, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn. 1 số hợp đồng lớn Tổng công ty đang thực hiện hoặc đã chuyển sang giai đoạn nghiệm thu hoàn công tuy nhiên chủ đầu tư còn đang khó khăn trong việc thu xếp vốn nên ảnh hưởng không nhỏ đến việc ghi nhận doanh thu của Tổng công ty. Tổng công ty tích cực, nỗ lực trong việc tìm kiếm, mở rộng thị trường, nghiên cứu công nghệ, cải tiến quy trình vận hành sản xuất để tiết kiệm chi phí, sử dụng hiệu quả lao động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, mang lại nhiều lợi nhuận cho cổ đông.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: Từng bước nghiên cứu sản phẩm điện tử kỹ thuật cao, trang thiết bị y tế, sản xuất sản phẩm, linh kiện đáp ứng yêu cầu cạnh tranh với



hàng ngoại nhập trong 1 số lĩnh vực điện tử, công trình điện công nghiệp phức tạp, phục vụ công cuộc hiện đại hóa ngành, đất nước.

## 2. Tình hình tài chính

### a. Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh): Tổng công ty tiếp tục rà soát, tái cơ cấu vốn tại một số doanh nghiệp nhằm giải quyết các khoản đầu tư chưa hiệu quả. Một số doanh nghiệp có lợi thế về mặt bằng, nhà xưởng tài sản nằm trong khu vực quy hoạch không phù hợp với mục đích sử dụng, Tổng công ty tiến hành tìm kiếm đối tác hợp tác đầu tư dự án nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất cho phù hợp đồng thời tái đầu tư hiện đại hóa nhà xưởng thiết bị công nghệ mở rộng quy mô sản xuất. Một số công ty đã tiến hành xúc tiến hợp tác đầu tư như Công ty Viettronics Đồng Đa, Công ty CP Điện tử Thủ Đức

### b. Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ
- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay. Việc chênh lệch tỷ giá hối đoái, ảnh hưởng lớn đến hoạt động xuất nhập khẩu của các công ty trong hệ thống Tổng công ty. Các linh kiện điện tử, chi tiết máy móc chuyên dụng phục vụ thi công công trình, nguyên liệu đầu vào nhập khẩu chịu tác động trực tiếp của biến động tỷ giá gây khó khăn không nhỏ trong hoạt động sản xuất kinh doanh do giá thành đầu vào biến động trong khi sản phẩm làm ra chịu cạnh tranh gay gắt từ sản phẩm nhập ngoại cùng loại. Hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực chính về điện tử tin học của Tổng công ty gặp nhiều khó khăn và có xu hướng giảm về cơ cấu trong tổng doanh thu, lợi nhuận.

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tổng công ty đã ban hành các quy chế nội bộ, tổ chức, sắp xếp lại các doanh nghiệp theo mô hình công ty mẹ - con, Bộ máy tổ chức đã được kiện toàn, sắp xếp hợp lý để góp phần quản lý vốn đầu tư, phát triển hoạt động sản xuất theo định hướng đề ra, mang lại hiệu quả tối ưu cho cổ đông. Các chính sách, cơ cấu bộ máy theo mô hình trên cơ sở phát huy nguồn lực nội tại của tổng công ty, phát triển lĩnh vực mới, mang lại nhiều giá trị cũng như đóng góp cho sự phát triển chung của toàn xã hội.

## 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Tái cơ cấu nguồn vốn đầu tư vào các công ty, ưu tiên đầu tư vào các công ty phù hợp với định hướng phát triển ngành và của Tổng công ty: Y tế kỹ thuật cao, điện tử công nghiệp, trang thiết bị dân dụng đồng thời rà soát, lên phương án hợp tác đầu tư tại 1 số địa điểm có vị trí đắc địa để khai thác hiệu quả hơn. Tăng cường công tác nghiên cứu sản phẩm, công nghệ mới, tìm kiếm thị trường mới để xuất khẩu. Hợp tác với các đối tác nước ngoài tiên tiến để tiếp cận là làm chủ công nghệ điện tử tương lai.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

## IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

*Trong năm vừa qua, Hội đồng quản trị đã làm việc rất tích cực để thực hiện việc ban hành kịp thời các nghị quyết, quyết định quan trọng để xây dựng, củng cố tổ chức bộ máy Tổng công ty, bảo toàn và phát triển nguồn vốn được giao, tích cực triển khai các hoạt động tiếp thị, sản xuất kinh doanh, đầu tư.. đồng thời xây dựng định hướng phát triển Tổng công ty và cơ cấu lại nguồn lực của Tổng công ty để tổ chức thực hiện, đem lại hiệu quả cho Tổng công ty.. cụ thể như:*

- Xây dựng và hoàn thiện cơ cấu, tổ chức bộ máy Tổng công ty với các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể.

- Bổ nhiệm đội ngũ cán bộ chủ chốt của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ SXKD trực tiếp tại đơn vị.

- Xây dựng định hướng phát triển Tổng công ty trong trung – dài hạn, đồng thời xây dựng kế hoạch hành động cụ thể cho từng lĩnh vực: Năng lượng & Công nghiệp, Công nghệ Thông tin & Truyền thông, Cơ điện tòa nhà và Điện tử y tế

- Từng bước xây dựng, củng cố và kiện toàn hệ thống người đại diện của Tổng công ty tại các doanh nghiệp thành viên để tạo điều kiện và môi trường cho người đại diện phát huy năng lực quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ với các doanh nghiệp được phân công.

- Xây dựng và bổ sung kịp thời Quy chế người đại diện để phát huy kịp thời năng lực và kinh nghiệm của người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp.

- Chỉ đạo triển khai công tác tổ chức, sản xuất kinh doanh trực tiếp của Tổng công ty.

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

*Trong thời gian qua, Tổng giám đốc đã thực hiện được một số công việc sau đây:*

- Đã tiến hành củng cố, cơ cấu tổ chức bộ máy Tổng công ty, cụ thể hoá chức năng nhiệm vụ của các ban chức năng, bổ nhiệm các cán bộ Trưởng, Phó Ban của Tổng công ty để đáp ứng yêu cầu về hoạt động sản xuất kinh doanh theo định hướng.

## 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

**V. Quản trị công ty** (Tổ chức chào bán trái phiếu ra công chúng hoặc niêm yết trái phiếu không phải là công ty đại chúng không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

### 1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).

| ST<br>T | Họ tên                   | Chức vụ                                      | Tỷ lệ sở hữu cổ phần  | Các chứng khoán khác | Số lượng tham gia HĐQT nắm giữ tại các công ty trong HT |
|---------|--------------------------|--|---|----------------------|---|
| 1       | <b>Nguyễn Quốc Huy</b>   | Chủ tịch HĐQT                                | Đại diện phần vốn Nhà nước; tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 61,58 % |                      |   |
| 2       | <b>Lưu Hoàng Long</b>    | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc           | Đại diện phần vốn Nhà nước; tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 13,19 % |                      | 3   |
| 3       | <b>Nguyễn Hồng Hiền</b>  | Thành viên HĐQT                              | Đại diện phần vốn Nhà nước; tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 13,19 % |                      |   |
| 4       | <b>Vũ Hải Vĩnh</b>       | Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ                 |   |                      | 2   |
| 5       | <b>Đỗ Thị Thuý Hương</b> | Thành viên HĐQT – Thành viên không điều hành |   |                      | 2   |

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban): Hiện tại Tổng công ty chưa thành lập tiểu ban nào thuộc HĐQT.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Trong năm 2013 Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2 (2012-2017) Tổng công ty đã họp 06 lần, có 06 Nghị quyết đề ra nhằm định hướng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đồng thời chỉ đạo, giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, góp phần nâng cao năng lực quản trị của bộ máy điều hành, tăng cường hiệu quả, doanh thu lợi nhuận cho Tổng công ty.

Các vấn đề lớn như tái cơ cấu nguồn vốn tại các doanh nghiệp, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo ban điều hành, chủ trương thực hiện các hợp đồng, dự án quy mô lớn theo thẩm quyền, các vấn đề yêu cầu quyết định theo thẩm quyền quy định, quy chế tổ chức bộ máy, quy chế lương thưởng, quy chế người đại diện và các quy định liên quan được HĐQT kịp thời ban hành, sửa đổi để phù hợp mô hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Với tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành, các thành viên HĐQT theo danh sách nêu trên đã phối hợp chặt chẽ, tham dự đầy đủ các buổi họp, đưa ra quyết sách, định hướng thống nhất làm cơ sở để Tổng công ty triển khai các kế hoạch sản xuất kinh doanh cũng như quyết định các vấn đề theo thẩm quyền được phân công.

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp). Hội đồng Quản trị Tổng công ty sử dụng thư ký và bộ máy ban chức năng, ban chuyên trách để triển khai, thực thi hóa các nghị quyết và các quyết định liên quan theo thẩm quyền. Hiện tại Tổng công ty chưa thành lập tiểu ban nào thuộc HĐQT.

f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm. Các thành viên Hội đồng quản trị nêu trên đều có đầy đủ tư cách và năng lực đáp ứng yêu cầu công việc theo quy định.

## 2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

| STT | Họ tên                  | Chức vụ              | Tỷ lệ sở hữu cổ phần | Các CK khác |
|-----|-------------------------|----------------------|----------------------|-------------|
| 1   | <b>Phạm Văn Chung</b>   | Trưởng ban Kiểm soát |                      |             |
| 2   | <b>Nguyễn Quý Anh</b>   | Thành viên BKS       |                      |             |
| 3   | <b>Lê Thị Thu Hương</b> | Thành viên BKS       |                      |             |

b. Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

Trong năm 2013 Ban kiểm soát Tổng công ty đã họp 04 lần (định kỳ 03 tháng/1 lần), thực hiện công việc được giao theo quy định, quy chế làm việc được thông qua.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ). Theo nghị quyết ĐHCĐ năm 2013 của Tổng công ty thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát như sau: Chủ tịch Hội đồng quản trị 4.000.000

đ/tháng, thành viên HĐQT 3.000.000 đ/tháng; Trưởng ban kiểm soát: 3.000.000 đ/tháng, thành viên ban kiểm soát 2.000.000 đ/tháng.

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên). Trong năm 2013 không phát sinh giao dịch về cổ phiếu liên quan đến các đối tượng nêu trên.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên). Tổng công ty đã ban hành quyết định về hệ số lương, thưởng và các lợi ích liên quan đến Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, các đối tượng nêu trên theo quy định của pháp luật, nghị quyết đại hội đồng cổ đông, điều lệ và các ràng buộc pháp lý liên quan.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty). Hoạt động quản trị đã kịp thời đưa ra các quyết nghị, quyết sách phù hợp thẩm quyền theo quy định giúp Tổng công ty triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh được thuận lợi. Thời gian sắp tới, cần tập trung rà soát và triển khai tích cực hơn nữa về công tác tái cơ cấu nguồn vốn đầu tư, lập phương án sử dụng hiệu quả lợi thế mặt bằng, mở rộng nghiên cứu thị trường công nghệ nâng cao năng lực sản xuất, cạnh tranh trong các ngành hàng theo định hướng.

## VI. Báo cáo tài chính

### 4. Ý kiến kiểm toán.

5. Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi công ty TNHH kiểm toán VACO (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp).

Đại diện theo pháp luật  
của Tổng Công ty

Nơi nhận: *Ưng*  
- UBCKNN;  
- HĐQT, BKS (b/c);  
- Ban KD (CBTT trên website)  
- Lưu VT, KHĐT, TCKT.



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Lưu Hoàng Long*